

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP, ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP, ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 177/BC-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có di sản văn hóa công cộng.
- b) Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân (*gọi tắt là Nghệ nhân*), người thực hành và truyền dạy (*gọi tắt là người thực hành*) di sản văn hóa công cộng.
- c) Các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công cộng.
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này phải bảo đảm vai trò chủ thể của cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng; tôn trọng phong tục, tập quán, giữ gìn yếu tố gốc, bản sắc văn hóa truyền thống, giá trị, bản chất, chức năng và không gian văn hóa của di sản; bảo đảm duy trì tính liên tục của di sản, không làm sai lệch, biến dạng hoặc thương mại hóa không phù hợp đối với di sản.

2. Hoạt động tư liệu hóa, số hóa, trình diễn, khai thác giá trị di sản phục vụ du lịch và các hoạt động phát huy giá trị khác phải có sự đồng thuận của cộng đồng, chủ thể theo hình thức phù hợp; bảo đảm tôn trọng yếu tố thiêng, tập quán truyền thống, quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng chủ thể.

3. Câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công cộng được thành lập, tổ chức hoạt động theo Điều 14 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể; có Ban Chủ nhiệm hoặc người phụ trách; có 10 thành viên trở lên tự nguyện tham gia; có danh sách thành viên, kế hoạch hoạt động hằng năm; duy trì sinh hoạt thường xuyên ít nhất 01 lần/tháng; thực hành di sản bảo đảm phù hợp với giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng chủ thể di sản.

4. Mỗi đối tượng chỉ được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần đối với cùng một nội dung chi, cùng một thời điểm, không trùng lặp với chính sách hỗ trợ do văn bản quy phạm pháp luật khác quy định.

5. Việc tổ chức lớp truyền dạy phải có kế hoạch, danh sách học viên, nội dung truyền dạy, biên bản nghiệm thu và chứng từ, tài liệu liên quan theo quy định.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ tổ chức lớp truyền dạy, thực hành và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng; các cơ sở giáo dục mầm non, trường học các cấp và trường dân tộc nội trú tại vùng có hoạt động thực hành di sản.

a) Mỗi lớp tổ chức không quá 30 buổi; bố trí tối đa 03 nghệ nhân tham gia truyền dạy, trong đó có 01 nghệ nhân phụ trách chính. Trường hợp lớp truyền dạy từ 02 nội dung di sản trở lên, được bố trí thêm nghệ nhân nhưng không quá 03 nghệ nhân/lớp.

b) Hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại cho học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia lớp truyền dạy trực tiếp tại cộng đồng: mức hỗ trợ tối đa 80.000 đồng/người/ngày. Đối với các trường hợp khác thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

c) Mức chi thù lao, hỗ trợ đối với nghệ nhân, người thực hành tham gia giảng dạy, hướng dẫn, truyền dạy thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ tổ chức phục dựng, tái hiện nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một

a) Ưu tiên các nghi lễ, lễ hội truyền thống tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một, thất truyền; việc tổ chức phục dựng, tái hiện phải bảo đảm phù hợp phong tục, tập quán và được cộng đồng chủ thể thống nhất.

b) Đối với vật tư, lễ vật, đạo cụ, mô hình, nhạc cụ do cộng đồng tự chế tác, chuẩn bị phục vụ phục dựng, tái hiện: thanh toán theo ngày công, mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/ngày. Trường hợp mua các lễ vật, sản vật trong cộng đồng dân cư không có hóa đơn thì thực hiện thanh toán theo bảng kê và chứng từ hợp pháp có xác nhận của đơn vị tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ thanh toán.

3. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và duy trì hoạt động các câu lạc bộ, đội, nhóm văn nghệ thực hành văn hóa công chiêng được thành lập theo khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này.

a) Hỗ trợ mua sắm công chiêng, nhạc cụ dân gian, trang phục, đạo cụ, thiết bị âm thanh phục vụ thực hành di sản theo danh mục và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ duy trì hoạt động thường xuyên: 5.000.000 đồng/câu lạc bộ, đội, nhóm/năm.

4. Hỗ trợ nâng cấp, cải tạo và sửa chữa không gian thực hành di sản văn hóa công chiêng

a) Không gian văn hóa thực hành di sản văn hóa công cộng được hỗ trợ gồm: nhà truyền thống của các dân tộc, nhà sinh hoạt cộng đồng và các không gian văn hóa cộng đồng tiêu biểu còn lưu giữ giá trị văn hóa truyền thống, đang được sử dụng hoặc có khả năng phục vụ hoạt động thực hành, trao truyền và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Không gian văn hóa công cộngachiêng Tây Nguyên.

b) Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi có hồ sơ hiện trạng, phương án bảo tồn, tu sửa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; có cam kết của chủ sở hữu hoặc cộng đồng về việc sử dụng phục vụ lợi ích cộng đồng trong thời hạn phù hợp.

c) Cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương, danh mục, mức hỗ trợ cụ thể đối với từng trường hợp theo quy định pháp luật và khả năng cân đối ngân sách.

5. Hỗ trợ kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu

Hỗ trợ các chủ thể văn hóa tham gia kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa công cộngachiêng, bao gồm cung cấp thông tin, tham gia diễn xướng phục vụ ghi âm, ghi hình, người hướng dẫn tại chỗ, người điền phiếu kiểm kê, với mức 200.000 đồng/buổi/người.

6. Chính sách phát huy giá trị di sản gắn với du lịch cộng đồng

Hỗ trợ các địa phương đã có quy hoạch thực hiện khảo sát, chọn ít nhất 01 buôn, làng tiêu biểu để xây dựng không gian trải nghiệm, thực hành và giới thiệu di sản văn hóa công cộngachiêng tại cộng đồng; trưng bày, giới thiệu các loại hình văn hóa tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, phục vụ quảng bá di sản, phát triển du lịch và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn chi ngân sách hằng năm của địa phương theo phân cấp.
2. Nguồn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án theo quy định.
3. Nguồn tài trợ, viện trợ, huy động hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022 - 2025.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Nhất thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2026./m

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy Ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành ở tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An